TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 973/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 874/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Nguyễn Thị Trung N Ngày sinh: 19/5/1975
Số CCCD: 08217… Ngày cấp: 24/6/2022
Địa chỉ: H, phường C, tỉnh Đ.
Tạm trú: L, phường P, Thành phố H.

+ Ông Châu Hòa H Ngày sinh: 20/02/1973
Số CCCD: 07907… Ngày cấp: 19/4/2021
Địa chỉ: M, phường P, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định có 01 con chung tên Châu Mỹ N1, sinh ngày 09/11/2010, giới tính: Nữ. Hai bên thỏa thuận giao trẻ N1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông H không cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố H cấp ngày 29/4/2010 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định có 01 con chung tên Châu Mỹ N1, sinh ngày 09/11/2010, giới tính: Nữ.

Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H cùng thỏa thuận như sau: Giao trẻ N1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trung N và ông Châu Hòa H cùng chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0027194 ngày 04/5/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

2 000027 121205

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương